TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY N** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2022/HN- ST
Ngày 05/12/2022
V/v: "Xin ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY N, TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Thanh Phong

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Ngô Bá Đức.

Bà Mai Thị Nhặc

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thư L - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lanh.

Ngày **05** tháng **12** năm **2022** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 274/2022/TLST-HN ngày 26 tháng 10 năm 2022 về việc "*xin ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 446/2022/QĐXXST-HN ngày 16/11/2022 và quyết định hoãn phiên toà số 451 ngày 24/11/2022 giữa:

**** Nguyên đơn:*** Đặng Thị Trúc L, sinh 1987 (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

Trú tại: Ấp Phú Lộc Hạ 2, xã An Đ, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre.

**** Bị đơn*:** Nguyễn Hoàng N, sinh 1987 (vắng mặt không có lý do)

Trú tại: Ấp Tân Phú 2, xã Phước H, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn chị L trình bày:

Vào năm 2020 tôi và anh N đã tiến tới hôn nhân, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước Hiệp, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre. Sau khi cưới nhau vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp. Nay tôi xin ly hôn với anh N.

Quá trình sống chung vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Huyền Trân, sinh ngày 21/7/2021 và con đang sống cùng tôi. Sau khi ly hôn tôi xin nuôi con yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi con tròn 18 tuổi.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn Nguyễn Hoàng N vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng của Tòa án và cũng không có bất cứ lời trình bày nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm cho rằng các giai đoạn tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện nhiệm vụ tuân thủ đúng các quy định pháp luật, người tham gia tố tụng nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Toà án, nhưng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên đề nghị tiếp tục xét xử vụ án. Về nội dung vụ án đề nghị Áp dụng điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

Về con chung: Đề nghị giao con Nguyễn Thị Huyền Trân, sinh ngày 21/7/2021 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, buộc anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi con tròn 18 tuổi.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

**** Về áp dụng pháp luật tố tụng:***

[1] Về quyền khởi kiện: Chị L cho rằng quá trình sống chung giữa vợ chồng không còn hạnh phúc nên muốn ly hôn, do đó chị khởi kiện. Căn cứ điều 51 luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 điều 68, điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự thì chị L có quyền khởi kiện.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Đối với yêu cầu của chị L là tranh chấp về việc ly hôn. Căn cứ khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và nơi cư trú của bị đơn thuộc xã Phước Hiệp, huyện Mỏ Cày N. Căn cứ điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày N thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật.

[3] Bị đơn được triệp tập xét xử hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

**** Về nội dung giải quyết vụ án:***

[1] Chị L, anh N kết hôn trên cơ sở tự tìm hiểu quen biết và tự nguyện tiến đến hôn nhân, anh, chị có đăng ký kết hôn tại UBND cấp có thẩm quyền, do đó hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị sống có hạnh phúc, lẽ ra anh, chị phải biết gìn giữ, nhưng từ

những mâu thuẫn trong đời sống thường ngày mà anh, chị không tìm cách để khắc phục, bỏ mặt cho nhau. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết chị L vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn, còn anh N đã được triệu tập rất nhiều lần để Tòa án tiến hành tổ chức hòa giải tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ nhưng anh vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Điều đó cho thấy anh N không có thiện chí muốn trở về chung sống với chị L. Xét mâu thuẫn vợ chồng anh chị là có thật, nếu để anh chị tiếp tục chung sống thì mục đích hôn nhân sẽ không đạt được, do đó chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L là phù hợp.

[2] Về con chung: Anh chị có một con chung tên Nguyễn Thị Huyền Trân, sinh ngày 21/7/2021. Xét bé Nguyễn Thị Huyền Trân hiện tại chưa tròn 36 tháng tuổi, chị L là người đang trực tiếp nuôi, để đảm bảo cho sự phát triển bình thường của bé Trân cả về thể chất lẫn tinh thần, nên giao bé Trân cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với mức cấp dưỡng nuôi con chị L yêu cầu 3.000.000 đồng/tháng, do chị L không chứng minh được thu nhập thực tế ổn định của anh N, nên chỉ xem xét chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng là phù hợp.

[3] Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét.

[4] Chị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật. Anh N phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 5, khoản 6 điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng Thị Trúc L. Chị Đặng Thị Trúc L được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng N.

Về con chung: Chị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Huyền Trân, sinh ngày 21/7/2021. Buộc anh N cấp dưỡng cho bé Nguyễn Thị Huyền Trân mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi bé Trân tròn 18 tuổi (thời gian bắt đầu cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 05/12/2022)

Sau khi ly hôn, cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau đối với con chung, người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, khi có căn cứ một hoặc cả hai bên chị L, anh N được quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét.

Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị L chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009596 ngày 21/10/2022 là đủ. Anh N chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày N (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày N(1b);
- UBND xã Phước Hiệp (1b)
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
đã ký